

# CHẤT THANH LỊCH CỦA NGƯỜI HÀ NỘI

NGUYỄN HỒNG MAI

**Tóm tắt:** “*Nếp sống văn hóa người Hà Nội*” là một công trình lớn đã được xã hội quan tâm từ nhiều năm nay nhưng kết quả của nghiên cứu vẫn chưa đạt được như mong muốn. Danh hiệu *Người Hà Nội* là một khái niệm luôn mở và biến động không chỉ theo trục thời gian mà cả trong những chiều không gian rộng hẹp khác nhau. Tính chất “*Kinh đô văn hóa linh thiêng và hào hoa*” của Thăng Long - Hà Nội truyền thống đã chi phối, điều chỉnh cấu trúc cư dân cũng như định hình tính cách thanh lịch của con người nơi đây. Bài viết lưu tâm tới những khó khăn trong việc lưu giữ, bảo tồn *sự thanh lịch* khi môi trường sống của người Hà Nội hiện nay đã bị pha tạp. Điều quan trọng nhất hiện nay là người Hà Nội cần hình thành ý thức và phong cách sống của người thị dân đích thực, trước hết là tự giác tuân thủ pháp luật và những quy ước chung của cộng đồng.

## 1. Người Hà Nội là ai?

Về phương diện quản lý nhà nước, tên gọi này thuộc về tất cả những ai đang sống và làm việc ổn định ở nơi đây. Trên sáu triệu người có đăng ký thường trú và tạm trú dài hạn được gọi là người Hà Nội (sau ngày thủ đô mở rộng năm 2008, một người dân tộc Sán Chỉ dưới chân núi Ba Vì hân hoan khoe rằng: chỉ sau một đêm, anh ta đã thành người Hà Nội). Ngoài ra, trong nội hàm của khái niệm này, có lẽ không thể không kể tới một bộ phận không nhỏ những người quê gốc ở đây đã phiêu bạt nơi chân trời góc bể mà vẫn không nguôi ngoai nỗi nhớ Thăng Long. Những người con Hà Nội ra đi xây dựng kinh tế mới Lâm Đồng vẫn muốn níu giữ hoài niệm về quê cha đất tổ trong tên gọi vùng đất mới - Lâm Hà.

Có người quan niệm danh hiệu này chỉ dành cho người Hà Nội đích thực – Hà Nội gốc. Tác giả Nguyễn Bích Hà cho biết người Hà Nội gốc chiếm có 7% trong số bốn triệu dân ở thời điểm trước khi mở rộng (1). Nhưng thế nào là gốc, cư trú ở đây bao nhiêu đời sẽ được coi là gốc? Một thanh niên có cha và cả ông sinh trưởng tại Hà Nội, không có ý niệm và cảm xúc gì về mảnh đất chôn rau cắt rốn của mình, nhưng trong giấy tờ tùy thân vẫn phải ghi nguyên quán là Hà Nội,

anh ta chưa phải người Hà Nội gốc. Theo điều tra tại một địa bàn phố cổ - phường Hàng Đào - chưa đến 9% gia đình sống liên tục mười đời (ước khoảng ba, bốn trăm năm).

Các nguồn sử liệu cho thấy, ngay từ xa xưa, cư dân Thăng Long đã thường xuyên thay đổi. Khi lựa chọn Thăng Long làm kinh đô, người khai sáng mỗi vương triều đã kéo về đây một số lượng không nhỏ người trong dòng tộc mình. Họ Lý từ Đình Bảng xứ Bắc, họ Trần từ Long Hưng, Bảo Lộc xứ Nam, họ Lê từ Lam Sơn Thanh Hoá, họ Trịnh lại đến từ vùng đất xứ Nghệ... Ngoài tầng lớp quý tộc, quan lại sống trong thành, còn có một bộ phận "ăn theo" tập hợp bên ngoài để sản xuất, buôn bán phục vụ. Nhìn chung, tập hợp kiểu dòng tộc ở Thăng Long có tính thời vụ, một phần vì sự thay thế liên tục của các vương triều (kể cả việc lẩn tránh sự trấn áp của vương triều mới), mặt khác do tâm lý thích gần bó với quê hương của người nông dân. Mặc dù quan niệm "nhà giàu kẻ quê không bằng người lê Kẻ Chợ", nhưng với họ, Thăng Long vẫn chỉ là nơi "tá túc", khi nào kiếm được chút vốn liếng, họ lại mau chóng trở về quê cũ. Vì vậy, có rất ít gia đình làm ăn, sinh sống nhiều đời ở Thăng Long.

Dân cư Thăng Long, thời kỳ nào cũng thế, có tỷ lệ rất cao người nhập cư. Họ phần lớn là dân "tứ chiếng" (đọc chệch từ "tứ trấn": Nam, Bắc, Đông, Đoài) và xa hơn nữa. Theo tư liệu của tác giả Hà Đình Đức<sup>(\*)</sup>, trong dân số Hà Nội hiện nay, có 26% gốc Thanh Hoá và 27% gốc Nghệ Tĩnh. Trong truyện ngắn "*Khách ở quê ra*", nhà văn Nguyễn Minh Châu đã miêu tả khá sâu sắc và hóm hỉnh về bộ phận người xứ Nghệ đông đúc đang sinh sống ở nơi đây với đầy đủ, trọn vẹn thói quen ứng xử vùng quê gốc. Tùy từng thời kỳ, người nhập cư đến Thăng Long – Hà Nội với nhiều lý do, động cơ khác nhau. Ví dụ năm 1954 lập lại hoà bình, sau khi một phần người Hà Nội di cư vào Nam, trong số 53 vạn dân lúc đó có bao nhiêu người từ chiến khu trở về, từ miền Nam tập kết, có bao nhiêu học sinh ưu tú các nơi kéo về dùi mài kinh sử tại các trường đại học mới mở hoặc mở lại ở Thủ đô Giai đoạn sau này cũng thế, mỗi thời kỳ lại thêm, lại bớt một số lượng người bởi vô số các nguyên nhân chủ quan, khách quan.

Như vậy, có hai căn nguyên chủ yếu dẫn tới *sự biến động cũng như tốc độ tăng dân số Hà Nội*. Trước hết, do yêu cầu mở rộng địa bàn Thủ đô. Trong mấy chục năm qua, Hà Nội đã vài lần nhập tách, và gần đây đã ôm trọn một vùng đất có bề dày văn hoá - lịch sử là xứ Đoài. Từ diện tích 152 km<sup>2</sup> và 53 vạn dân, nay đã tăng lên 3.344 km<sup>2</sup> với 6,2 triệu dân, Hà Nội trở thành thủ đô lớn thứ 17 của thế giới. Sự mở rộng này làm tỷ lệ đô thị của Hà Nội từ 80% giảm xuống 35% và có thêm một vùng nông thôn trung du rộng lớn đang gắng mình đô thị hoá. Mặt khác, nếu trong truyền thống, người nhập cư ít muốn bén rễ với chốn kinh kỳ thì thời gian gần đây, Hà Nội là thời nam châm không chỉ hút liên tục các

dòng người từ khắp nơi mà hơn thế, dòng người nhập cư này luôn muốn “sống chết với Thủ đô” bởi những ưu thế to lớn về chính trị - ngoại giao, về giao lưu và phát triển kinh tế, văn hoá mà không địa phương nào có được. Về khía cạnh này, để kiềm chế tốc độ tăng dân số Thủ đô, chỉ có một phương án tối ưu: phát triển nhanh hơn, mạnh hơn đời sống kinh tế, văn hoá của các vùng miền để giảm bớt mức độ chênh lệch trong chất lượng sống nói chung cũng như trong cơ hội học tập và làm việc nói riêng. Chỉ khi ấy, thủ đô mới giải nổi bài toán về sức ép dân số.

Thăng Long – Hà Nội, trong lịch sử ngàn năm không những biến động về diện tích, dân số mà cả về *cơ cấu dân cư*. Không phải lúc nào nơi đây cũng là kinh đô. Nhà Hồ đã chọn Tây Đô, nhà Nguyễn gắn với địa danh Phú Xuân, sang thời thuộc Pháp, nước ta bị chia làm ba kỳ, mỗi kỳ có một thủ phủ riêng (Hà Nội chỉ là thủ phủ của Bắc Kỳ). Đặc biệt là các ông vua triều Nguyễn, do lo lắng tầm ảnh hưởng của Thăng Long, nên trong khi xây dựng cung đình Huế vẫn không quên tìm mọi cách hạ thấp địa vị Thăng Long (đổi chữ Long – Rồng thành Long - Thịnh, bắt phá bỏ hoàng thành, giảm bớt chiều cao của thành...), nhưng trong lòng người dân Việt, không nơi nào có thể thay thế được Thăng Long. Giáo sư sử học Trần Văn Giàu - một người con phương Nam – đã khẳng định: “*Thăng Long lòng lộng không duy nhất vì nhiệm vụ Thủ đô mà vì cái khác cao xa hơn, sâu lắng hơn. Thăng Long vừa là một địa chỉ cụ thể, đồng thời mang ý nghĩa khái quát, bao quát, nó gắn với nền văn minh sông Hồng, cội nguồn của dân tộc*”\*.

Có thể có lúc nơi đây không phải một kinh đô chính trị, không phải là trung tâm hoạt động kinh tế lớn nhất nước, nhưng bao giờ Thăng Long – Hà Nội cũng là một *kinh đô văn hoá linh thiêng và hào hoa*, nơi qui tụ và lưu giữ hồn dân tộc. Chính sứ mạng cao quý ấy đã chi phối và điều chỉnh cấu trúc cư dân nơi đây.

Trong truyền thống, văn hoá Thăng long thuộc loại hình văn hoá nông nghiệp với phần lớn dân cư là *nông dân*. Thời Lý - Trần, phía tây Hoàng thành có khu thập tam trại rộng lớn chuyên trồng lúa trồng rau, trồng hoa và các cây thuốc nam. Danh xưng vùng đất các khu trại đó hiện đã thành tên gọi của những đường phố lớn: Giảng Võ, Liễu Giai, Đại Yên, Ngọc Hà, Nghi Tâm, Hữu Tiệp v.v... Cho đến giữa thế kỷ XX, vùng Lò Đúc, gò Đống Đa và dọc đê La Thành vẫn chủ yếu là hồ ao, ruộng lúa. Tuy nông dân chiếm số lượng đông nhưng vai trò “kinh đô văn hoá” đã khiến tầng lớp cư dân chiếm vị trí số một của Thăng Long lại là *kẻ sĩ*. Họ thường là những người tài trí và ham học từ mọi vùng quê về đây để trau dồi học vấn, nghề nghiệp và với cả mong ước “*có danh gì với núi sông*”. Tại đây, họ có cơ hội, điều kiện tốt nhất để tiếp cận tam cương, ngũ thường của Nho học, bác ái của Phật học, vô vi của Đạo học, cũng như thời kỳ cận - hiện đại là các tư tưởng dân chủ mới, các phương pháp, phương tiện

tiên tiến nhất trong nghiên cứu khoa học và sáng tạo nghệ thuật. Trong danh mục "Danh nhân Thăng Long" mà chúng ta thống kê hiện nay, những người có danh tiếng được lựa chọn hầu hết là kẻ sĩ. Chính Thăng Long là mảnh đất màu mỡ ươm trồng tài năng của họ và ngược lại, nhờ họ mà mảnh đất kinh kỳ này được rạng rỡ, vẻ vang. Vốn tri thức Đông Tây kim cổ đồ sộ cộng với tài năng, đặc biệt là khí phách quân tử đã tạo nên thương hiệu "*Sĩ phu Bắc Hà*" (cũng là sĩ phu Thăng Long) - một đối tượng giành được sự ngưỡng mộ, vị nể của giới trí thức trong cả nước. Cũng vì thế, không chỉ quan niệm, tư tưởng, học vấn mà cả phong cách lối sống, lối hành xử của tầng lớp kẻ sĩ có tác động rất lớn tới các thành phần khác trong cộng đồng dân cư Thăng Long.

Tầng lớp *công thương* của Thăng Long xưa được xếp cuối bảng phân loại tứ dân (sĩ, nông, công, thương) cũng như ở các vùng miền khác. Dù rằng Kẻ Chợ có phát triển hơn Phố Hiến nhưng nó vẫn rất nhỏ so với đô thị các nước cận kề. Yếu tố "*th!*" yếu ớt nhiều so với yếu tố "*đ!*". Giáo sư Lê Văn Lan đã lưu ý rằng: tư cách thần dân của cư dân Thăng Long nổi trội hơn nhiều so với tư cách thị dân - công dân tự do\*. Địa vị thấp kém của tầng lớp thương nhân có thể có nhiều nguyên nhân: do mức độ non yếu của kinh tế hàng hoá; do chính sách "trọng nông ức thương" của một số vương triều, hoặc do cả sự kỳ thị, nghi ngờ của dân chúng (trong truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết "*ngắm ra cho kỹ như hình con buôn*"). Nghề thủ công Thăng Long xưa tuy hội tụ được khá đông thợ khéo, thợ giỏi nhưng vẫn mang tính chất phường hội làng quê. Chỉ tới đầu thế kỷ XX, sau các cuộc khai thác thuộc địa, hoạt động công thương mới dần dần khởi sắc, ý thức thị dân mới bắt đầu manh nha. Một vài khái niệm mới xuất hiện "*bourgeois*" (thị dân) và "*petit bourgeois*" (tiểu thị dân), chúng ta vẫn dịch, vẫn hiểu là "tư sản" và "tiểu tư sản". Kiểu cư dân - thị dân Thăng Long - Hà Nội thành hình bao gồm nhiều tầng lớp và địa vị ngày càng được nâng cao của tầng lớp công thương làm cho đời sống xã hội trở nên linh hoạt hơn, sung túc hơn (Bảng nhãn Lê Quý Đôn đã từng nhắc: *Phi công bất phú, phi thương bất hoạt*). Tuy nhiên dấu tích của tư tưởng thần dân, của gốc tích tiểu nông và đặc biệt những quan niệm giản đơn và ấu trĩ về nếp sống đô thị đã tạo ra cho Thăng Long - Hà Nội một sản phẩm đặc thù: những *thị dân non* mà biểu hiện rõ nhất ở sự yếu kém trong ý thức tuân thủ pháp luật. Sống giữa Thủ đô mà vẫn không ít người quen coi thói tục mới là luật, "phép vua thua lệ làng", luôn tìm cách lươn lách, lẩn tránh, thậm chí còn chống đối pháp luật. Có lẽ đây cũng là một "truyền thống cố hữu" gây cản trở khá lớn cho quá trình quản lý và phát triển đô thị hiện đại.

Chân dung người Thăng Long - Hà Nội biến động khá nhiều qua các giai đoạn lịch sử như là sản phẩm khách quan của những điều kiện xã hội cụ thể. Cái gọi là "người Hà Nội truyền thống" cũng rất khó xác định do những biến động

ấy. Đọc trong sách “*Vũ trung tùy bút*”, chúng ta cũng bắt gặp những nhận xét của Phạm Đình Hổ về những biến động phong tục ở kinh thành trong vài chục năm cuối thế kỷ XVIII:

*“Khi ta còn nhỏ, phong tục hãy còn chuộng trung hậu, mọi người hàng ngày giao tiếp với nhau vẫn có ý khoan dung, giữ thói khiêm nhường. Ai làm điều gì xấu bậy chỉ sợ người khác biết mà ché cười... Nhưng từ thời chúa Trịnh, chính sự càng ngày càng nát. Tất cả lễ độ về giao tiếp, thù tạc, ăn uống, cư xử đều bị sửa lại, mỗi ngày một khác. Tập tục ngày càng kiêu bạc”(2).*

Như vậy, khó lòng xác định một chân dung qua muôn vàn biến thiên lịch sử. Và ngay ở một thời kỳ, chân dung ấy cũng mang những màu sắc rất khác nhau gắn với khu vực mà người ta cư trú. Có Hà Nội trung tâm phố cổ và có Hà Nội ngoại ô (ngày càng đẩy ra xa, sau các đường vành đai một, hai, ba, bốn); có Hà Nội sang trọng kiêu sa để chàng lính trẻ Quang Dũng mơ về “*dáng kiêu thơm*” và có cả Hà Nội lầm than vất vả; Có Hà Nội mặt tiền xô bồ náo nhiệt và có Hà Nội lặng lẽ khiêm nhường trong ngõ hẻm v.v.. Cứ đọc và so sánh các tác phẩm văn chương trước Cách mạng viết về Hà Nội sẽ thấy rất rõ sự đa dạng này. Người Hà Nội trong “*Tố Tâm*”, trong “*Lá ngọc cành vàng*” đâu có giống người Hà Nội trong “*Nhà nghèo*”, “*Cỏ dại*”, và cũng khác xa những kiếp người trong các phóng sự của Vũ Trọng Phụng hay Nguyễn Đình Lạp. Trong vài thập kỷ qua, khuôn mặt người Hà Nội còn nhiều hình, nhiều vẻ hơn. Vì thế, việc cố gắng khái quát hoá, trừu tượng hoá danh hiệu “*Người Hà Nội*” xem chừng ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp.

## **2. Có chăng một tính cách người Hà Nội?**

Liệu có *tính cách người Hà Nội*, mẫu số chung cho mọi kiểu người mà chúng ta vừa nhắc tới không?

Khi bàn về điều này, các nhà nghiên cứu thường liệt kê rất nhiều *phẩm chất* (hầu hết là các phẩm chất tốt đẹp) như: yêu nước, yêu hoà bình, giàu lòng tự hào dân tộc; ham học hỏi, cầu tiến; lao động cần cù và có tay nghề khéo léo; sống có nghĩa tình v.v.. Nhưng có nhiều người đặt câu hỏi: những phẩm chất vừa kể đâu phải của riêng người Hà Nội? Một nhà nghiên cứu văn hoá dân gian khi khái quát đặc trưng văn hoá gia đình người xứ Nghệ là *hoà, hiếu, nhẫn, tình* cũng đã nhận được từ đồng nghiệp câu phát vấn tương tự. Hình như những phẩm chất ấy, người vùng nào cũng có. Thực ra, mong muốn chỉ ra đặc trưng hay sự khác biệt trong tính cách con người ở một vùng miền nào đó không phải dễ dàng, nhất là khi họ có chung một cốt cách dân tộc, có những điều kiện kinh tế - lịch sử khá tương đồng và luôn có sự giao lưu văn hoá. Nhưng có điều này

được nhiều người thừa nhận: những phẩm chất tinh thần của người Việt Nam (cả hay và dở) được *biểu hiện tập trung*, được *kết tinh đậm đặc* hơn trong những người dân sống ở Thủ đô, trái tim của cả nước.

Một mặt, nhiều thế hệ người nhập cư đã hun đúc nên phẩm chất người Hà Nội; mặt khác, môi trường “địa linh nhân kiệt” nơi đây đã tiếp nhận có sàng lọc và nâng cấp các phẩm chất đó. Mặt hay, mặt tốt được tạo điều kiện phát huy, còn mặt dở, mặt xấu cũng bị gạt bỏ, kiềm chế. Có thể kể tới phẩm chất điển hình nhất của người Thăng Long – Hà Nội là *chất trí tuệ - văn hiến*. Ở 32 tấm bia tiến sĩ dựng tại Văn Miếu Huế (một trong hai Văn Miếu của nước ta) từ năm 1838 đến 1919, trong số 293 vị tiến sĩ của 39 khoa thi Hội dưới triều Nguyễn đã có 40 vị người Hà Nội một số nhân vật rất nổi tiếng như Vũ Tông Phan, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Trọng Hợp...). Lúc này Hà Nội không phải kinh đô, chỉ là một trong số ba mươi một tỉnh với tỷ lệ dân đinh bằng một phần mười cả nước. Tỷ lệ một phần bảy tiến sĩ là người Hà Nội là tỷ lệ cao nhất trong các tỉnh (tư liệu của Phan Thuận An)\*. Gần đây, Hà Nội cũng dẫn đầu danh sách các địa phương có lượng thí sinh đạt tổng số điểm thi đại học cao nhất. Tuy nhiên cần lưu ý, các trường ở Hà Nội đạt vị trí hàng đầu lại là các trường phổ thông chuyên thuộc Đại học Quốc gia. Đó là nơi đào tạo, bồi dưỡng học sinh phổ thông loại giỏi của các địa phương tập hợp về. Chính vì vậy, chúng ta đừng mong tìm kiếm sự khác biệt trong phẩm chất người Hà Nội so với người nơi khác mà nên lưu tâm nhiều hơn tới sự kết tinh, toả sáng phẩm chất Việt trong mỗi con người Thủ đô.

Nhưng “*hình như người Hà Nội vẫn có một nét riêng nào đấy*”, nhiều người có chung cảm nhận này. Nét riêng ấy phải chăng nằm trong những biểu hiện cụ thể của phẩm cách? Thử nêu ra một vài ví dụ. Cùng đọc nhiều, biết nhiều, nhớ nhiều nhưng hình như cách học của người ở đây thiên về sách vở hàn lâm, học để lều chõng trường thi, học để xưa làm quan, nay làm công chức. Cùng hăng hái lên đường “xẻ dọc Trường Sơn”, nhưng cách ra đi, cách suy tư trước giờ ra trận hay trong phút im lặng hiếm hoi giữa hai trận đánh, chiến sĩ - người Hà Nội vẫn có sắc thái khác. Đọc nhật ký của những người lính Hà Nội, của Đặng Thùy Trâm hay Nguyễn Văn Thạc, rất dễ nhận ra điều này. Theo nhật ký của Đặng Thùy Trâm, vì sự nhạy cảm tinh tế trước cái đẹp, trước nỗi đau mà người nữ bác sĩ này có lúc đã bị chỉ trích là “tiểu tư sản”. Hãy đọc lại vài dòng tâm sự của chị: “*Những bước đường tôi đi gian nan biết mấy, bước đường của một cô gái học sinh lên làm lãnh đạo, cái gì làm mình khác mọi người. Nếp sống hay sao? Nếp sống tình cảm, nếp sống giàu suy nghĩ, giàu nội tâm, nếp sống hơi cầu kỳ của một đứa tiểu tư sản...*”(3) Giữa mặt trận ở Đức Phổ còn mịt mù khói súng, cô gái ấy vẫn bồi hồi hái bông hoa bách hợp màu tím đậm còn sót lại giữa mảnh vườn hoang (trang 198), vẫn gảy bập bùng tiếng đàn ghita làm dịu cơn đau của người

thương binh đồng đội (tr.288)... Đó chính là dấu ấn phong cách người Hà Nội được lưu giữ bền bỉ trong tâm hồn, tính cách của chị bất kể sự khắc nghiệt của chiến tranh. Người Hà Nội luôn có lối ứng xử rất đặc biệt. Cách nói chuyện "thưa gửi, vâng dạ" với đôi chút rào đón, lời xin lỗi "nói vô phép" trước khi có thể làm phiền ai, lời cảm ơn "quí hoá quá" khi nhận được chút ít quan tâm giúp đỡ... thường bị người vùng khác nhận xét là khách sáo, thiếu chân tình, kiểu "thoang thoảng hoa nhài". Đó có phải là nét riêng không, nếu có, phải chăng là nét thanh lịch của họ trong giao tiếp ứng xử với tự nhiên và giữa cộng đồng?

Hai câu "Chẳng thơm cũng thể hoa nhài, dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An" thường được nhắc đến và gọi là ca dao với thời điểm ra đời không xác định. Tràng An – tên kinh đô nhà Đường - trong câu ca trên được hiểu như một địa danh biểu trưng cho vùng đất kinh kỳ. Như vậy, thanh lịch đã là và phải là phong thái đặc trưng của con người sống ở kinh đô, kể cả Phú Xuân - Huế. (Tôi cảm nhận rằng chất thanh lịch của người đất cố đô hiện còn đậm đặc hơn người Hà Nội chúng ta). Nhưng theo giáo sư Vũ Khiêu, đây là hai câu mở đầu bài "Thăng Long thành" của nhà thơ Nguyễn Công Trứ viết cách đây khoảng 150 năm\*. Có thể nhà thơ đã sử dụng ca dao, hoặc ngược lại, thơ của ông đã được dân chúng biến thành ca dao mà quên đi xuất xứ. Với tư liệu này, địa danh Tràng An trong hai câu trên xác định rõ chỉ mảnh đất Thăng Long. Như vậy có thể thấy, sự thanh lịch của người Thăng Long – hay nói đúng hơn, của một bộ phận người Thăng Long – đã tạo được ấn tượng sâu sắc trong lòng một người nghệ sĩ nhập cư ở thời điểm giữa thế kỷ XIX, trước khi nơi đây chịu tác động của dòng văn hoá phương Tây.

*Thanh lịch* là một khái niệm chưa có sự giải thích thống nhất. Có người hiểu "thanh" là thanh cao trong tư tưởng – tình cảm, thanh liêm, thanh bạch trong nếp sống, thanh nhã trong cách ứng xử. "Lịch" là lịch sự, lịch lãm, lịch duyệt, nghĩa là có lòng tự trọng cao và tôn trọng các qui ước xã giao. Muốn có *thanh* phải tu dưỡng rèn luyện, còn *lịch* cũng là kết quả của kinh nghiệm từng trải. Như vậy "*thanh lịch*" được quan niệm khá rộng, cả về tâm hồn trí tuệ, cả về phong cách giao tiếp và thị hiếu cảm thụ. Tuy nhiên, khi tham khảo nguồn tư liệu văn hoá dân gian (được coi là những biểu hiện cụ thể của thanh lịch) và những quan sát của bản thân, tôi cho rằng nội hàm của khái niệm này hẹp hơn. Thanh lịch chủ yếu biểu hiện ở *sự tinh tế khôn khéo trong giao tiếp và cảm thụ, hưởng thụ* (thường được hiểu là khéo nói, khéo cư xử, sành ăn, sành mặc, sành chơi).

Nên lưu ý, chất thanh lịch của người Thăng Long truyền thống cũng có *địa bàn khu trú điển hình trong một bộ phận dân cư điển hình*. Thăng Long xưa gói gọn bên trong đường vành đai một hiện nay, quanh cái vòng tứ trấn bám theo

các dòng sông: phía bắc - đền Quan Thánh, phía đông - đền Bạch Mã, phía nam - đền Kim Liên, phía tây - đền Thủ Lệ và thành đất La Thành nổi cạnh tây nam. Tầng lớp quan lại, bộ phận thượng lưu sống tập trung trong Cẩm thành, Hoàng thành. Họ là chủ nhân dòng văn hoá cung đình. Còn bộ phận cư dân đông đảo nhất - tầng lớp bình dân - ở vùng đất giữa Hoàng Thành và La Thành, ở đó có phố phường nhộn nhịp và các hoạt động văn hoá dân gian sôi động. Tất nhiên, khu vực cư trú của hai tầng lớp này không có tính tuyệt đối. Sử liệu cho biết, không ít người thuộc lớp quý tộc thượng lưu đã ra sống ở ngoài Hoàng Thành, ví như công chúa Từ Hoa nhà Lý xây cung điện ở phía bắc, hoàng hậu Ngọc Dao sinh hoàng tử Tư Thành – Lê Thánh Tông ở chùa Huy Văn, v.v... Điều này tất yếu dẫn tới sự giao thoa, đan xen giữa văn hoá cung đình và văn hoá dân gian. Có thể nói, chính tầng lớp quý tộc - kẻ sĩ và tầng lớp bình dân của Thăng Long, những người phần lớn có học vấn, có đời sống kinh tế ở mức trung lưu (có điều kiện để sống thư thái, khoan hoà, để sành ăn, sành mặc, sành chơi) mới có thể là *chủ thể* sáng tạo nên giá trị thanh lịch truyền thống. Phạm Đình Hổ đã nhận xét "*cách chơi thanh nhã ấy phải người trí thức mới có được*".

Tại sao người Thăng Long – Hà Nội truyền thống lại sáng tạo nên phẩm chất *thanh lịch*? Chính môi trường sinh thái – nhân văn - lịch sử nơi đây đã chi phối, đã làm nền tảng cho việc hình thành, định hình và định tính phong cách sống của con người. Trước hết, Thăng Long xưa có *môi trường địa – văn hoá* rất đặc biệt. Nếu Sài Gòn – thành phố kênh rạch, Huế - thành phố sông núi thì Thăng Long là thành phố sông hồ. Dòng sông Hồng, sông Thao cuộn cuộn nơi thượng nguồn nhưng khi xuôi về đây, khúc Nhị Hà (Nhĩ Hà – sông hình vành tai ôm từ Bắc sang đông), lại chảy lững lờ. Phía tây nam kinh thành là hai con sông Tô Lịch, Kim Ngưu uốn khúc, trên bến dưới thuyền. Thăng Long có rất nhiều hồ. Ngoài hồ Lục Thủy (Hoàn Kiếm) xanh trong với Tháp Rùa xinh xinh trăm mặc và những cụ Rùa vài trăm tuổi, còn có bao nhiêu hồ nhỏ: hồ Văn, hồ Thiền Quang, hồ Ngọc Khánh v.v... Ngay Hồ Tây- Trúc Bạch "bát ngát" nhất cũng êm đềm với bến trúc Nghi Tâm, đường bàng Yên Thái và hàng liễu Cổ Ngự rủ bóng. Tuy là kinh đô nhiều đời nhưng Thăng Long vẫn chỉ gồm những con đường ô bàn cờ, những ngôi nhà lợp ngói nép dưới tán hoàng lan, những chùm hoa sữa. Nơi đây dường như không có công trình nguy nga, đồ sộ, chỉ có chùa Một Cột – đoá sen thanh cao và khiêm nhường, chỉ có Tháp bút Đài nghiên "*Tả thanh thiên*" - biểu tượng của vùng đất văn hiến. Nét quyến rũ của mảnh đất này là ở đây. Bao người đi xa nhớ về Thăng Long – Hà Nội, trước hết là nhớ về "*Cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ, phố xưa nhà cổ mái ngói thâm nâu*" (Trịnh Công Sơn), "*Hồ Gươm xanh và mái tóc em xanh*" (Văn Ký), về "*Ngõ nhỏ, phố nhỏ, nhà tôi ở đó*" (Lê Vinh). Tất cả, tất cả cảnh trí của Thăng Long xưa đều rất thanh và nhã, bởi vậy chúng tạo nên ở con người *tâm thức vừa phải, lối sống chừng mực, ghét lối ngoa ngôn, ghét sự thái quá*. Do lượng người nhập cư chưa nhiều, dân



cư sinh sống làm ăn không đông nên hình thành một nhịp sống chậm rãi, thanh bình trong câu sấm "*Thăng Long phi chiến địa*". Ra đường, người ta có thể nói năng nhỏ nhẹ, đi lại khoan thai, có thể cúi chào khi gặp mặt người quen, có thể lắng nghe tiếng ve râm ran giữa trưa hè hay tiếng rao đêm lạnh lốt, có thể bên lòng ngóng đợi từng cánh hoa quỳnh nở, nhấm nháp từng ngụm chè - được ủ tới mười lần gạo sen - hay thưởng thức từng hạt cốm mỏng tang, thơm nức. Trong kho tàng thành ngữ nơi đây còn có câu "*Con gái Hà Thành cái giá cần đô*". Có lẽ, tâm thức thanh và nhã ấy đâu phải bất cứ ai, bất cứ người nào, lúc nào, muốn có cũng được.

Mặt khác, Thăng Long – Hà Nội xưa dù nhỏ bé vẫn là đô thị hàng đầu, trung tâm giao lưu chính trị - kinh tế - văn hoá lớn nhất của đất nước nên cũng là nơi tập trung, kết tinh những gì khéo nhất, đẹp nhất, tinh hoa nhất. Áo dài kiểu Lơ muya (le mur), quốc phục của phụ nữ Việt Nam được xuất hiện đầu tiên ở đây. Giọng nói Hà Nội cũng được nhận xét là giọng tiếng Việt chuẩn nhất. Nhà ngôn ngữ học Nguyễn Kim Thản đã khẳng định: "*Tiếng nói của người Hà Nội là tiêu biểu nhất và kết tinh những gì chung nhất của phương ngôn Bắc Bộ. Nó giàu thanh điệu hơn cả (6 thanh), giàu vần hơn cả: 17 âm chính (nguyên âm), 8 âm cuối (bán nguyên âm và phụ âm), có tới 169 vần*"(5). Dường như những gì thô lỗ, sống sượng, cầu thả không được chấp nhận ở đây, nơi con người buộc phải khéo léo, khôn ngoan để làm vừa lòng khách thập phương (kể cả người nước ngoài tới truyền giáo, buôn bán), thuận lòng người mua, kẻ bán. Môi trường sống thanh nhã đã sàng lọc nghiêm khắc những gì mà nó thu nạp. Người mới nhập cư buộc phải tự học hỏi, điều chỉnh để hoà đồng, để được chấp nhận. Cô gái kẻ Láng muốn mang những mớ rau thơm quê mình vào thành bán cũng có ý thức:

*"Anh giúp em đôi quang tám dẻ cho bền*

*Mượn người lịch sự gánh lên kinh kỳ"*(6)

Còn chủ nhân của chốn này – trước hết là kẻ sĩ - vốn đề cao "sĩ diện", hiểu rõ ảnh hưởng phong cách sống của tầng lớp mình đối với cộng đồng nên càng hết sức cẩn trọng, giữ gìn. Ngay những người bình dân, tuy học vấn không nhiều nhưng cũng luôn luôn muốn chứng tỏ mình là người có văn hoá "biết nhin", "biết nể", "biết ngượng" trước trời đất, trước "*Cổ kim Nhật Nguyệt*" (nội dung bức đại tự đặt ở bái đường Văn Miếu - Quốc Tử Giám). Ở Thăng Long – Hà Nội xưa, ra đường rất khó biết ai giàu, ai nghèo - người dù rất nghèo vẫn có ý thức ăn vận tề chỉnh, người dù rất giàu cũng không thích loè loẹt, phô trương... Như vậy, bên cạnh sự chi phối của môi trường sống thanh nhã thì *địa vị lịch sử - kinh đô văn*

hoá của Thăng Long chính là nhân tố quan trọng nhất góp phần định hình và lưu giữ đặc trưng thanh lịch trong phong cách sống của con người ở đây.

Bàn về thanh lịch – nét đặc trưng của người Thăng Long truyền thống, hình như chúng ta đang hoài niệm, giống như chút ngậm ngùi của nhà văn Nguyễn Khải trong phần kết truyện ngắn “*Một người Hà Nội*”:

*“Một người như cô phải chết đi, thật tiếc. Lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kỳ chói sáng những ánh vàng”.*

Người Hà Nội hôm nay - nói đến thanh lịch – trước hết cần tạo được *nếp sống có văn hoá* từ trong gia đình đến ngoài xã hội, từ sinh hoạt cá nhân đến ứng xử nơi công cộng. Làm sao loại bỏ được lối sống tùy tiện kiểu làng quê và từng bước tự giác tuân thủ pháp luật và những quy ước của cộng đồng như *một thị dân đích thực*. Trong cách ăn mặc, nói năng, giao tiếp ứng xử... nếu học tập được vài điều của các bậc tiền nhân như “*biết sợ*”, “*biết nể*”, “*biết nhịn*” và đặc biệt “*biết gương*” thì theo tôi, người Hà Nội cũng đã tạo được ấn tượng tốt đẹp lắm rồi trong lòng bè bạn.

**N.H.M**

*Hà Nội, tháng 8 năm 2010*

**- Chú thích:**

\* Có nhiều Hội thảo đã được tiến hành, trong đó có Hội thảo tổ chức tháng 11 năm 2005 mang tiêu đề : “*Người Hà Nội thanh lịch – văn minh*”. Một số tư liệu của bài viết này được dẫn lại từ ý kiến tham luận tại Hội thảo của GS Trần Văn Giàu, GS Vũ Khiêu, GS Lê Văn Lan, các tác giả Phan Thuận An, Hà Đình Đức, v.v...

1. Nguyễn Bích Hà: *Lịch sử, sự kiện, nhân vật vùng đất Thăng Long – Hà Nội*. NXB Thanh Niên, H.2010, tr.220.

2. Phạm Đình Hồ: *Vũ trung tùy bút*. NXB Trẻ, H,1989. Tr. 60- 61.

3. Đặng Thùy Trâm: *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*. NXB Hội nhà văn, H, 2005. tr.237

4. Phạm Đình Hồ: Sđd. tr.25.

5. Nguyễn Kim Thản: *Tiếng Việt trên đường phát triển*. NXB Khoa học xã hội, H, 1982. tr.43.

6. Vũ Ngọc Phan. *Những năm tháng ấy*, NXB Văn học, H.1987. tr.53